

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Đồng Hồ, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 1455/QĐ-UBND ngày 05/5/2017;

Căn cứ Quyết định số 3278/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Đồng Hồ, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Thống Nhất STC tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 25/6/2019 (kèm hồ sơ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 796/TTr-STNMT ngày 30/7/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty cổ phần Thống Nhất STC (Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá) được khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 50.800 m<sup>2</sup>; trong đó, diện tích khu vực khai thác 18.500 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3 và 4; diện tích khu vực khai trường 32.300 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 4, 5, 6, 13, 12, 11, 10, 9 và 8 có toạ độ xác định tại Phụ lục 1 và Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 642.889 m<sup>3</sup> đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 38.573 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng được phép khai thác: 355.106 m<sup>3</sup> đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 21.306 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

- Thân khoáng: Dạng khối.

- Công suất khai thác: 50.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất +18 m.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 07 năm 8 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 06 tháng.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 334/TLBD do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 24/6/2019.

**Điều 2.** Công ty cổ phần Thống Nhất STC có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm; cấm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động khai thác mỏ theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Thống Nhất STC chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty CP Thống Nhất STC;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Cao Thịnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG  
TẠI XÃ CAO THỊNH, HUYỆN NGỌC LẶC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 126 /GP-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
		X(m)	Y(m)
Khu vực khai thác 18.500 m <sup>2</sup>	1	2218 315.68	552 070.94
	2	2218 187.10	552 952.37
	3	2218 141.39	552 077.65
	4	2218 287.82	552 160.79
Khu vực khai trường 32.300 m <sup>2</sup>	1	2218 315.68	552 070.94
	4	2218 287.82	552 160.79
	5	2218 268.57	552 226.12
	6	2218 332.86	552 252.07
	13	2218 383.53	552 177.61
	12	2218 397.77	552 187.48
	11	2218 426.80	552 170.34
	10	2218 499.28	552 505.62
	9	2218 339.00	552 976.00
8	2218 327.91	552 031.88	
<b>Diện tích mỏ: 50.800 m<sup>2</sup></b>			